

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN
CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2024

*

BẢN TIN THÔNG TIN SINH HOẠT CHI BỘ SỐ 4 NĂM 2024

THÔNG TIN TRONG NƯỚC

I. MỘT SỐ ĐIỂM SÁNG VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 02 VÀ 2 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Tình hình kinh tế - xã hội tháng 02/2024 tiếp tục xu hướng phục hồi tích cực; tính chung 2 tháng hầu hết các lĩnh vực đạt kết quả tốt hơn so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn được bảo đảm. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 02 tăng 1,04% so với tháng 1; bình quân 2 tháng tăng 3,67% (cùng kỳ năm 2023 tăng 4,6%).

Nông nghiệp phát triển ổn định. Sản xuất công nghiệp tăng 5,7% so với cùng kỳ (cùng kỳ giảm 2,9%). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,1%; khách quốc tế đạt trên 3 triệu lượt, tăng 68,7%.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 2 tháng tăng 18,6%, trong đó xuất khẩu tăng 19,2%; nhập khẩu tăng 18%; xuất siêu 4,72 tỷ USD.

Thu ngân sách nhà nước 2 tháng ước đạt 23,5% dự toán năm, tăng 10,4%. An ninh năng lượng, an ninh lương thực được bảo đảm (xuất khẩu gạo 2 tháng đạt 912.000 tấn, kim ngạch 639 triệu USD, tăng lần lượt 74,8% và 96,6% so với cùng kỳ); bảo đảm cân đối cung cầu lao động.

Đầu tư phát triển tiếp tục đạt kết quả tích cực. Giải ngân vốn đầu tư công 2 tháng đạt 9,13% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ (6,97%). Thu hút FDI đạt 4,29 tỷ USD, tăng 38,6%; vốn FDI thực hiện đạt 2,8 tỷ USD, tăng 9,8% so với cùng kỳ (lũy kế có 39.553 dự án FDI còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký trên 473 tỷ USD; tổng vốn thực hiện gần 300 tỷ USD).

Phát triển doanh nghiệp tiếp tục xu hướng tăng. Trong 2 tháng có trên 22,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 12,4% và có 19.000 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 4,4%; nâng tổng số doanh nghiệp gia nhập thị trường lên hơn 41.000, tăng 8,5% so với cùng kỳ.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng; an sinh xã hội được bảo đảm; đời sống nhân dân được cải thiện. Trong tháng 2, có 94,2% số hộ gia đình đánh giá có thu nhập ổn định hoặc cao hơn cùng kỳ năm 2023. Thực hiện chi trả trợ cấp tháng 1 và tháng 2 ngay trong tháng 1/2024.

Nhân dân cả nước đều vui Xuân đón Tết; đã xuất 17,7 nghìn tấn gạo dự trữ quốc gia cho 693.000 nhân khẩu dịp Tết, giáp hạt; cả nước hỗ trợ, tặng quà Tết cho 13,9 triệu lượt đối tượng với tổng kinh phí 7,8 nghìn tỷ đồng. Bảo đảm cung ứng điện, nước, xăng dầu; ổn định giá cả, thị trường; thực hiện tốt thông tin, tuyên truyền, quản lý lễ hội dịp Tết.

Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Cải cách hành chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được đẩy mạnh; đưa ra truy tố, xét xử nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng lớn, góp phần củng cố niềm tin trong nhân dân.

Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được đẩy mạnh. Đã tổ chức thành công nhiều hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; đón Tổng thống của các nước đối tác; uy tín và vị thế đất nước ta tiếp tục được nâng lên.

Nhiều tổ chức, chuyên gia quốc tế tiếp tục đánh giá cao kết quả chỉ đạo điều hành và triển vọng của kinh tế Việt Nam. IMF dự báo Việt Nam nằm trong nhóm 20 nền kinh tế tăng trưởng cao nhất thế giới. Fitch Ratings dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam sẽ đạt 6,3% vào năm 2024 và 7,0% vào năm 2025.

Về một số nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới, tại Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 2 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính yêu cầu các bộ, cơ quan, địa phương cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

Thứ nhất, điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác. Bảo đảm lưu thông tiền tệ tốt hơn, cung ứng đủ vốn tín dụng phục vụ nền kinh tế; giám sát chặt chẽ tình hình nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống.

Thứ hai, tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống và thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới.

Các động lực tăng trưởng mới gồm: (1) Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; (2) Thúc đẩy mạnh mẽ 6 vùng kinh tế - xã hội; (3) Tranh thủ các cơ hội mới từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng sản xuất, thương mại, đầu tư toàn cầu và khu vực; (4) Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành, lĩnh vực mới như chip bán dẫn, trí

tuệ nhân tạo, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia; (5) Thu hút nguồn lực tài chính xanh, tín dụng xanh ưu đãi để phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới, Hydrogen; (6) Xây dựng và phát triển trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam.

Thứ ba, đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, 03 chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy nhanh phê duyệt quy hoạch. Phần đầu tỉ lệ giải ngân cả năm 2024 tối thiểu đạt 95%; phân bổ sớm 33,5 nghìn tỷ đồng còn lại của kế hoạch đầu tư công 2024.

Thứ tư, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật, cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh.

Thứ năm, tập trung phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực chủ yếu. Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp và dịch vụ.

Thứ sáu, chú trọng các lĩnh vực văn hóa, xã hội, môi trường; bảo đảm an sinh xã hội, đời sống nhân dân. Tạo thuận lợi để người lao động trở lại làm việc sau nghỉ Tết. Chủ động rà soát, nắm bắt tình hình đời sống nhân dân, hỗ trợ gạo kịp thời trong dịp giáp hạt. Chuẩn bị thực hiện chế độ tiền lương mới từ ngày 01/7. Khẩn trương hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền về chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa; chú trọng phát triển công nghiệp văn hóa.

Cùng với đó, tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; triển khai chu đáo, thực chất, hiệu quả các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao; tăng cường công tác thông tin, truyền thông, tạo đồng thuận xã hội...

II. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUY HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ THỦY LỢI

Ngày 02/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 145/QĐ-TTg phê duyệt Kế hoạch, chính sách và giải pháp thực hiện Quy hoạch phòng, chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Quyết định nêu một số kế hoạch, chính sách và giải pháp chủ yếu sau:

Tuyên truyền phổ biến nội dung Quy hoạch đến tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thủy lợi và phòng, chống thiên tai để phát huy vai trò giám sát của người dân, sự tham gia của các bên liên quan trong thực hiện Quy hoạch. Triển khai thực hiện cung cấp, lưu trữ hồ sơ Quy hoạch theo quy định; thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản để cung cấp các số liệu phục vụ lập, điều chỉnh quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống thiên tai.

Bổ trí đủ nguồn vốn cho công tác lập quy hoạch thủy lợi, quy hoạch đề điều, quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê từ nguồn kinh phí thường xuyên theo quy định hoặc các nguồn vốn hợp pháp khác. Tiến độ, quy mô đầu tư các công

trình thủy lợi, công trình phòng, chống thiên tai trong Kế hoạch là dự kiến, tiến độ, quy mô cụ thể sẽ được xác định và phê duyệt trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư của các dự án.

Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó ưu tiên thực hiện các dự án giai đoạn trước còn dở dang, chưa đồng bộ để phát huy hiệu quả; đầu tư các công trình lớn, phục vụ đa mục tiêu, có tác động liên vùng, liên tỉnh để giải quyết các vấn đề cấp bách trong phòng, chống thiên tai và thủy lợi, nhất là tại các vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng thường xuyên chịu tác động hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, lũ, ngập lụt, úng, úng phó với biến đổi khí hậu, góp phần bảo đảm an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm an ninh nguồn nước; thu hút nguồn vốn xã hội hoá, sử dụng các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công đối với các dự án cơ sở hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, nhất là công trình cấp nước sạch nông thôn, thủy lợi kết hợp thủy điện, du lịch, dịch vụ theo quy định.

Cân đối ngân sách, bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai (nâng cấp, xây dựng mới các hồ thủy lợi, công trình tích trữ, tạo nguồn nước, điều tiết nguồn nước; các công trình liên kết, kết nối, chuyển nước, công trình điều tiết mặn, ngọt; các công trình đê điều, công trình chính trị, bảo vệ bờ sông, bờ biển...) theo lộ trình Quy hoạch đã được phê duyệt.

Hoàn thiện cơ chế chính sách và triển khai có hiệu quả chính sách giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi; xây dựng cơ chế chính sách huy động nguồn lực ứng phó với thiên tai từ quỹ phòng, chống thiên tai để thu hút tham gia đầu tư phát triển hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai theo quy hoạch; tăng cường hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế để tranh thủ hỗ trợ kỹ thuật, thu hút nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, cấp nước sinh hoạt nông thôn.

Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao hoạt động trong lĩnh vực thủy lợi và phòng, chống thiên tai, nhất là trong công tác quản lý, khai thác, vận hành công trình thủy lợi, quản lý đê điều, ứng phó trước các tình huống thiên tai; củng cố, kiện toàn các tổ chức thủy lợi cơ sở phù hợp với đặc thù của vùng, miền.

Tăng cường ứng dụng công nghệ số, hạ tầng quản trị số, khoa học công nghệ tiên tiến, hiện đại, thông minh vào quản lý, khai thác hạ tầng thủy lợi, phòng, chống thiên tai; quan trắc công trình, kiểm tra, kiểm định, đánh giá, đề xuất các giải pháp, công cụ đánh giá an toàn đập, chủ động ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước, giảm thiểu ảnh hưởng của sự cố đập, hồ chứa đến hạ du; quan

trắc, giám sát công trình đê điều, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, nguồn nước, số lượng nước, chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi...

Tăng cường ứng dụng công nghệ trong bảo vệ môi trường nước trong các hệ thống thủy lợi, đặc biệt là các công nghệ phục vụ quan trắc, giám sát, kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý ô nhiễm nguồn nước; kiểm soát chất lượng nước, quản lý, xử lý hiệu quả nguồn gây ô nhiễm, phục hồi nguồn nước trong hệ thống công trình thủy lợi, nhất là các hệ thống thủy lợi đã và đang bị ô nhiễm như Bắc Hưng Hải, Sông Nhuệ, Bắc Đuống, một số hệ thống thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long; đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, xác định hạn ngạch xả nước thải, lộ trình giảm xả thải trên các sông, kênh thuộc hệ thống thủy lợi.

Chủ động và tích cực tham gia cùng cộng đồng quốc tế giải quyết những vấn đề liên quan đến chia sẻ nguồn nước; phối hợp xây dựng cơ chế hợp tác với các nước láng giềng và các nước trong khu vực để giải quyết vấn đề liên quan đến nguồn nước xuyên biên giới, đảm bảo an ninh nguồn nước quốc gia.

III. THỰC HIỆN CẢI CÁCH CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, LỰC LƯỢNG VŨ TRANG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 135/QĐ-TTg, ngày 31/01/2024 về Kế hoạch triển khai thực hiện cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp, trong đó có một số nội dung chủ yếu sau:

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm tạo đồng thuận xã hội, các ngành, các cấp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị về việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW khóa XII, Kết luận số 64-KL/TW và Nghị quyết số 104/2023/QH15; quán triệt thống nhất nhận thức, đồng thuận trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về việc thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW. Báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua danh mục vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị từ trung ương đến cấp xã.

Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành Danh mục chức danh, chức vụ tương đương thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ thực hiện chính sách tiền lương mới, gồm: xây dựng Danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý, chỉ huy trong lực lượng vũ trang; rà soát sắp xếp các chức danh, chức vụ theo phân cấp quản lý cán bộ bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Danh mục Bộ Chính trị ban hành tại Kết luận số 35-KL/TW của Bộ Chính trị; bảo đảm kế thừa, ổn định trong tổ chức bộ

máy; chỉ điều chuyển những vị trí thực sự bất hợp lý hoặc chưa được sắp xếp; một người đảm nhiệm nhiều chức vụ thì lấy chức vụ cao nhất để xác định chức danh tương đương.

Xây dựng Tờ trình về các nội dung cụ thể của chế độ tiền lương mới, tác động khi cải cách tiền lương đến chính sách bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công và trợ cấp xã hội; xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, gồm: Xây dựng 3 bảng lương và phụ cấp đối với lực lượng vũ trang; hoàn thiện quy định về cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập cho phù hợp với chế độ tiền lương mới; xây dựng Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang; xây dựng Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức cơ quan Đảng, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội.

Xây dựng Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chế độ tiền lương mới đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan của Quốc hội, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, các chuyên ngành Tòa án, Kiểm sát và Kiểm toán; xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương mới theo thẩm quyền được giao tại Quyết định của Ban Bí thư, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương mới.

Xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy định chính sách tiền lương mới đối với khu vực doanh nghiệp, gồm: Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng Tiền lương quốc gia theo quy định của Bộ luật Lao động. Ban hành Nghị định về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp nhà nước; tập huấn, hướng dẫn thực hiện các quy định tại Quyết định của Ban Bí thư, Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương mới.

Tiếp tục thực hiện việc sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế hưởng lương từ ngân sách nhà nước, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo gắn với cải cách chính sách tiền lương theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII và Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII.

IV. ĐẨY MẠNH TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG DỮ LIỆU VỀ DÂN CƯ, ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ QUỐC GIA

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; để tiếp tục đẩy mạnh công tác triển khai, thực hiện Đề án 06 trong năm 2024, tạo tiền đề hoàn thành các mục tiêu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, tại Chỉ thị số 04/CT-TTg, ngày 11/02/2024, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu quán triệt và thực hiện đồng bộ, thống nhất, kịp thời, hiệu quả những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tiếp tục duy trì quyết tâm chính trị cao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án 06 tại cơ quan, địa phương mình trong năm 2024; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ theo ngành, lĩnh vực; khẩn trương khắc phục những nhiệm vụ chậm tiến độ đã đề ra; tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công thiết yếu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, bảo đảm cắt giảm tối đa giấy tờ, thời gian đi lại và chi phí của người dân, doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo kết quả rà soát văn bản phục vụ triển khai Đề án 06; phối hợp với Trung tâm dữ liệu quốc gia xây dựng phương án đồng bộ dữ liệu con người.

Xây dựng Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân; cung cấp các tiện ích cho người dân, quản lý xã hội trên ứng dụng VNeID, đặc biệt là quản lý xã hội như tố giác tội phạm, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, khai báo tạm trú, tạm vắng; tích hợp ứng dụng VNeID với các dịch vụ cho người dân như dịch vụ ngân hàng, mua sắm, thanh toán, giáo dục, y tế, tiện ích cho đối tượng yếu thế; xây dựng Nghị định về 02 dịch vụ công liên thông “đăng ký khai sinh - đăng ký thường trú - cấp thẻ BHYT cho trẻ dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử - xóa đăng ký thường trú trợ cấp mai táng phí” theo trình tự thủ tục rút gọn; nghiên cứu, xây dựng phương án cấp “Tài khoản an sinh xã hội” để mỗi người dân Việt Nam có tài khoản an sinh xã hội gắn với số định danh cá nhân trên ứng dụng VNeID được nhận chi trả an sinh xã hội qua tài khoản theo yêu cầu...

Hướng dẫn về đăng ký thuế đối với cá nhân khi triển khai sử dụng số định danh cá nhân thay cho mã số thuế; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông

thôn; kết nối, chia sẻ giữa Hệ thống thông tin nhà ở và thị trường bất động sản với Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; nhân rộng triển khai ứng dụng xác thực thông tin sinh trắc trên Căn cước công dân gắn chip tại Bộ phận một cửa của Cơ quan bảo hiểm xã hội trên phạm vi toàn quốc; triển khai giải pháp bảo đảm an toàn, xác thực và bảo mật thông tin dùng mật mã, dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng công vụ...

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy cấp tài khoản an sinh xã hội cho các đối tượng hưởng chính sách chưa có tài khoản; chỉ đạo chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho 100% người dân đã có tài khoản; chủ trì, phối hợp Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai đào tạo tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức địa phương về an ninh an toàn thông tin; tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương, bảo đảm kết nối, tích hợp, liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai các mô hình, giải pháp ứng dụng tiện ích từ nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Căn cước công dân và định danh điện tử; đẩy nhanh tiến độ số hóa dữ liệu, đặc biệt đối với các lĩnh vực hộ tịch, đất đai, lao động việc làm.

V. BẢO TỒN HỆ SINH THÁI RỪNG VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Ngày 07/02/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 171/QĐ-TTg phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030, trong đó có đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Rà soát cụ thể hiện trạng, xác định cụ thể diện tích, vị trí, ranh giới đối tượng từng loại rừng cần nâng cao chất lượng đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, hiện trạng về trữ lượng, cấu trúc tổ thành loài cây, cấu trúc từng loại rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên để xây dựng dự án, phương án, kế hoạch nâng cao chất lượng rừng; lựa chọn loài cây trồng để nâng cao chất lượng rừng phù hợp với chức năng của từng loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất) cho từng vùng sinh thái để bảo tồn hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học và tăng khả năng phòng hộ của rừng.

Xây dựng các mô hình điểm nâng cao chất lượng rừng bằng nhiều loài cây bản địa có cấu trúc đa tầng, đa loài, nâng cao khả năng bảo tồn của hệ sinh thái rừng và chức năng phòng hộ của rừng trên điều kiện lập địa khó khăn, vùng đất dốc, vùng khô hạn, cho từng loại rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên) và theo từng vùng sinh thái để triển khai, thực hiện; trên cơ sở theo dõi,

đánh giá kết quả sẽ tổng kết, tài liệu hóa và nhân rộng mô hình ra các vùng, khu vực khác trên phạm vi cả nước.

Triển khai, thực hiện các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách có liên quan như: Luật Lâm nghiệp 2017, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP, ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2050; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đến năm 2030. Nghiên cứu, đề xuất bổ sung các cơ chế, chính sách mới, nhằm triển khai, thực hiện nâng cao chất lượng rừng,

Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng rừng, làm giàu rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh có trồng bổ sung, đặc biệt là có sức chống chịu cao với điều kiện tự nhiên khắc nghiệt để nâng cao chất lượng rừng phòng hộ. Ứng dụng các tiến bộ khoa học trong sản xuất cây giống phục vụ nâng cao chất lượng rừng bằng công nghệ cao, công nghệ nuôi cấy mô.

Triển khai Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia, quy hoạch tỉnh sau khi các quy hoạch được ban hành; thực hiện nghiêm Kết luận số 61-KL/TW, ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; giám sát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên, nhất là việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang các mục đích khác như: xây dựng thủy điện, khai thác khoáng sản, xây dựng các khu công nghiệp, dịch vụ du lịch.

Quản lý rừng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững, gắn bảo vệ, phát triển rừng với bảo tồn đa dạng sinh học và các dịch vụ môi trường rừng; toàn bộ diện tích rừng của các tổ chức quản lý rừng được xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững; triển khai các chương trình kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng; trong đó tăng cường theo dõi sự biến động về diện tích, chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để có giải pháp phù hợp với từng vùng, khu vực; kiểm soát chặt chẽ tác động tiêu cực đối với hoạt động phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên.

Thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn triển khai thực hiện, lồng ghép với Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi đến năm 2030 và các cơ chế, chính sách mới; tiếp tục triển khai có hiệu quả các Dự án ODA đã và đang thực hiện của các nhà tài trợ quốc tế; đồng thời tiếp tục huy động, kêu gọi tài trợ, hợp tác quốc

tế trong bảo vệ và phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng, bảo đảm theo đúng quy định; tăng cường huy động vốn ngân sách địa phương, vốn từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp theo cơ chế đối tác công tư (PPP) bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao chất lượng rừng.

VI. THI HÀNH LUẬT LỰC LƯỢNG THAM GIA BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ Ở CƠ SỞ

Kế hoạch triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được ban hành bởi Quyết định 176/QĐ-TTg, ngày 14/02/2024 xác định nội dung, trách nhiệm và lộ trình thực hiện như sau:

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Cơ quan thực hiện: Bộ Công an, Bộ Thông tin và Truyền thông; Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam và các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình khác. Cơ quan phối hợp: Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ, chiến sĩ Công an các đơn vị, địa phương có liên quan đến việc triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Cơ quan chủ trì: Bộ Công an. Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo. Biên soạn tài liệu phục vụ phổ biến Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật. Cơ quan thực hiện: Bộ Công an. Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

Rà soát văn bản quy phạm pháp luật, gồm các nội dung: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công.

Cơ quan thực hiện: Bộ Công an tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước; các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý nhà nước được phân công và gửi kết quả về Bộ Công an trong tháng 6 năm 2024 để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết các nội dung được giáo trong Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, gồm: Xây dựng

Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (xây dựng, ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn). Cơ quan chủ trì: Bộ Công an. Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời hạn trình/ban hành: Trước ngày 01/7/2024.

Xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở. Cơ quan chủ trì: Bộ Công an. Cơ quan phối hợp: Các cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời hạn ban hành, có hiệu lực: Trước ngày 01/7/2024.

Xây dựng phương án kiện toàn thống nhất tổ chức lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (kiện toàn thống nhất lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và đội trưởng, đội phó đội dân phòng) bảo đảm tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, thống nhất cùng với thời điểm Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Cơ quan thực hiện: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Thời hạn hoàn thành: Trước tháng 6/2024.

Tổ chức kiểm tra thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật. Cơ quan chủ trì: Bộ Công an. Cơ quan phối hợp: Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Thời gian thực hiện: Năm 2024 và các năm tiếp theo.

VII. PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA HỘI NÔNG DÂN VIỆT NAM THAM GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ TRONG NÔNG NGHIỆP

Đề án “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp đến năm 2030” được phê duyệt bởi Quyết định 182/QĐ-TTg, ngày 20/02/2024 đề ra một số giải pháp trọng tâm sau:

Đẩy mạnh tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về kinh tế tập thể trong nông nghiệp; tổ chức các lớp tập huấn, hội nghị, diễn đàn chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, nâng cao nhận thức cho hội viên, nông dân về hợp tác, liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp theo chuỗi giá trị; thay đổi tư duy sản xuất phát triển kinh tế nông nghiệp; vận động hội viên, nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp thông qua sinh hoạt chi hội, tổ hội, câu lạc bộ của nông dân.

Phát động phong trào thi đua “Cán bộ, hội viên nông dân tích cực tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp”; tổ chức tôn vinh, khen thưởng, tổng kết, nhân rộng các mô hình kinh tế tập thể trong nông nghiệp điển hình do Hội Nông

dân vận động, hướng dẫn, hỗ trợ thành lập; biểu dương các tập thể, cá nhân tiêu biểu, có thành tích xuất sắc trong phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp.

Rà soát kết quả hoạt động, đề xuất các giải pháp cụ thể hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp; phối hợp với các cơ quan chức năng sắp xếp, tái cơ cấu, tổ chức lại tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hoạt động không hiệu quả, ngừng hoạt động. Tư vấn hoàn thiện, sửa đổi điều lệ; hướng dẫn thủ tục sắp xếp, củng cố lại tổ chức, hoạt động, xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh. Hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp và thành viên.

Hỗ trợ nâng cao số lượng và chất lượng các dịch vụ đối với tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm gắn với chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực vùng, miền, địa phương, phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp đẩy mạnh chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh, phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

Tư vấn hỗ trợ sáng lập viên trong thành lập mới, mở rộng đối tượng thành viên tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp. Khuyến khích, vận động, hướng dẫn các hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, nông dân xuất sắc làm nòng cốt, hạt nhân thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp. Phát triển chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp thành tổ hợp tác, hợp tác xã; đẩy mạnh thành lập chi Hội Nông dân, tổ Hội Nông dân trong hợp tác xã nông nghiệp. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp tham gia liên kết sản xuất kinh doanh, thành lập doanh nghiệp trong hợp tác xã, góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật nhằm phát triển sản xuất; hình thành mạng lưới tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp điển hình do Hội Nông dân hỗ trợ.

Hỗ trợ vốn, tín dụng đối với các chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ hợp tác và hợp tác xã nông nghiệp. Phát triển và nhân rộng các mô hình tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp hoạt động hiệu quả gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tăng cường kỹ năng, nghiệp vụ trong chuyển đổi số đối với tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp. Chuyển giao khoa học, công nghệ cho hội viên, nông dân là thành viên tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, chi Hội Nông dân nghề nghiệp, tổ Hội Nông dân nghề nghiệp. Vận động, thu hút đa dạng các nguồn lực từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp. Tăng cường học tập, chia

sẽ kinh nghiệm phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp với các nước trong khu vực và trên thế giới.

VIII. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHIẾN LƯỢC NGÀNH XÂY DỰNG

Chiến lược phát triển ngành Xây dựng đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 được phê duyệt bởi Quyết định số 179/QĐ-TTg, ngày 16/02/2024, nêu một số chỉ tiêu quan trọng để phấn đấu thực hiện, nổi bật là:

Hoàn thành rà soát, cơ bản phủ kín quy hoạch phân khu các khu vực trung tâm, khu vực dự kiến phát triển và khu vực dự kiến thành lập mới đơn vị hành chính đô thị (quận, phường). Quy hoạch xây dựng nông thôn: rà soát, điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã để thực hiện mục tiêu của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 là ít nhất 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, không còn xã đạt dưới 15 tiêu chí. Đến năm 2025, các đô thị hoàn thành xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc; phấn đấu đến năm 2030, 80% các đô thị và điểm dân cư nông thôn có Quy chế quản lý kiến trúc được phê duyệt, ban hành.

Thực hiện đồng bộ các chính sách giải nén, giảm tải cho các đô thị lớn, đưa người dân ra các đô thị xung quanh đã hình thành đầy đủ các thiết chế văn hóa, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; tập trung thúc đẩy hệ thống hạ tầng cơ sở, dịch vụ tại các đô thị vệ tinh, mô hình thành phố trực thuộc thành phố, đảm bảo các đô thị giữ vai trò trung tâm phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp của địa phương, từng vùng và cả nước. Ưu tiên phát triển các đô thị nhỏ (loại V) và vùng ven đô để hỗ trợ phát triển nông thôn thông qua các mối liên kết đô thị - nông thôn. Kiểm soát phát triển đô thị mật độ thấp tại các đô thị loại II trở lên; tập trung phát triển đô thị theo chiều sâu và nâng cao chất lượng môi trường sống của người dân.

Triển khai hiệu quả các đề án, chương trình quốc gia về phát triển đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh; cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và nâng cấp đô thị; phát triển các mô hình đô thị mới phù hợp với thực tiễn, chú trọng mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông. Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí xác định và phát triển các khu đô thị có vị trí, chức năng đặc thù, nổi trội như phát triển đại học, trung tâm sáng tạo, kinh tế cửa khẩu, công nghiệp, đảo, cảng, sân bay; đô thị gắn với phát triển TOD, đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị phát triển bền vững ứng phó với biến đổi khí hậu và đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển riêng phù hợp.

Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2025 đạt tối thiểu 45%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5 - 1,9% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt khoảng 1,9 - 2,3%. Số lượng đô thị toàn quốc đến năm 2025 khoảng 950 - 1.000 đô thị, đến năm 2030 khoảng 1.000 - 1.200 đô thị. Đến năm 2025, 100% các đô thị hiện có và đô thị mới có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; bảo đảm tối thiểu 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị. Đến năm 2030, hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng đạt các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa cấp đô thị tương đương mức bình quân của các đô thị thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN.

Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp vùng, liên vùng; hoàn thiện khung pháp lý cho quản lý hạ tầng kỹ thuật đô thị. Thực hiện đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm tại các đô thị lớn, tập trung cho các lĩnh vực giao thông đô thị, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đô thị. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn tại Thủ đô Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt đối với các tuyến đường sắt đô thị.

Tăng cường công tác kiểm soát, quản lý xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch. Khuyến khích sử dụng vật liệu xanh, xây dựng và phát triển hạ tầng xanh, công trình xanh, tiêu thụ năng lượng xanh tại đô thị. Tăng cường năng lực hệ thống hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, nhất là tại đồng bằng sông Cửu Long. Đẩy mạnh quản lý phát triển không gian ngầm đô thị, nhất là công tác quy hoạch không gian ngầm ở các thành phố trực thuộc trung ương.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đổi mới phương thức, mô hình quản lý và phát triển nhà ở xã hội, đặc biệt là nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp. Cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng, cải tạo nhà ở phù hợp với quy hoạch đô thị và quy chế quản lý kiến trúc đô thị.

Tập trung giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người dân, đặc biệt là các hộ gia đình nghèo, cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng chính sách xã hội có khó khăn về nhà ở. Bố trí hợp lý khu dân cư và hỗ trợ phát triển nhà ở cho người dân tại các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu.

Khai thác, sử dụng bất động sản hiệu quả, đặc biệt là bất động sản đất đai, khai thác tối đa nguồn lực từ đất đai, nhà và công trình trên đất phục vụ các mục tiêu

phát triển kinh tế - xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển đa dạng các loại bất động sản đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cân đối cung - cầu của từng phân khúc, từng địa phương và trong từng giai đoạn. Thu hút các nguồn lực xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển hàng hóa bất động sản, đặc biệt là đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở thương mại giá rẻ, các công trình sản xuất, kinh doanh, các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại các đô thị.

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ TÌNH HÌNH THẾ GIỚI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

I. THỨC ĐẨY QUAN HỆ VIỆT NAM - AUSTRALIA

Nhận lời mời của Thủ tướng Australia Anthony Albanese, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Phu nhân cùng Đoàn đại biểu cấp cao Chính phủ Việt Nam thăm chính thức Australia từ ngày 07 - 09/3/2024.

Đây là lần đầu tiên Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính thăm chính thức Australia. Chuyến thăm có ý nghĩa quan trọng, ghi dấu mốc mới trong quan hệ hai nước sau hơn 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Tại cuộc hội đàm với Thủ tướng Australia Anthony Albanese, hai nhà lãnh đạo bày tỏ hài lòng trước sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ hữu nghị và Đối tác Chiến lược hai nước. Đặc biệt, Việt Nam và Australia nhất trí nâng cấp quan hệ lên Đối tác Chiến lược toàn diện. Chính phủ hai nước cam kết tiếp tục phát triển quan hệ trên tất cả các lĩnh vực và thúc đẩy mối quan hệ được nâng cấp trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, chủ quyền, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ, tôn trọng hệ thống chính trị của mỗi nước. Tuyên bố chung về việc nâng cấp quan hệ giữa hai nước đề ra các phương hướng lớn nhằm đưa hợp tác trên các lĩnh vực đi vào chiều sâu, hiệu quả, thực chất hơn, đó là:

Thứ nhất, làm sâu sắc hơn hợp tác chính trị, quốc phòng, an ninh và tư pháp giữa hai nước. Theo đó, Việt Nam và Australia nhất trí tăng cường trao đổi đoàn và tiếp xúc cấp cao; duy trì các cơ chế hợp tác song phương; nâng cấp hợp tác gìn giữ hòa bình lên Đối tác Gìn giữ hòa bình và nâng cấp Đối thoại an ninh cấp thứ trưởng hiện nay lên cấp bộ trưởng. Hai bên cam kết thúc đẩy hợp tác thực thi pháp luật, hợp tác tình báo thông qua hợp tác chặt chẽ hơn giữa lực lượng cảnh sát, cơ quan hàng hải và biên giới của hai nước; mở rộng hợp tác trong các lĩnh vực, như: công nghiệp quốc phòng, an ninh hàng hải, chia sẻ thông tin và tình báo.

Thứ hai, thúc đẩy gắn kết kinh tế. Việt Nam và Australia cam kết làm sâu sắc

hơn mối quan hệ thương mại và đầu tư song phương, tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư bao trùm, thực chất, hiệu quả hơn; công nhận nhu cầu xây dựng chuỗi cung ứng bền vững và hướng tới đa dạng hóa thương mại để tăng cường năng lực chống chịu của nền kinh tế. Hai bên tái khẳng định cam kết thực hiện đầy đủ và hiệu quả Chiến lược tăng cường hợp tác kinh tế Việt Nam - Australia, hỗ trợ bằng việc triển khai Chiến lược kinh tế Đông Nam Á tới năm 2040 của Australia.

Thứ ba, xây dựng tri thức và kết nối nhân dân. Việt Nam và Australia công nhận vai trò then chốt của giao lưu nhân dân; tăng cường hợp tác giáo dục và đào tạo thông qua đối thoại, cơ chế hợp tác, liên kết thể chế; tái khẳng định cam kết thúc đẩy và bảo vệ quyền con người phù hợp với luật pháp quốc tế và duy trì đối thoại chân thành, thẳng thắn và xây dựng. Hai bên thừa nhận tầm quan trọng của hợp tác văn hóa trong việc làm sâu sắc hơn giao lưu nhân dân giữa 2 nước và sẽ tìm kiếm những cơ hội để tăng cường trao đổi và hợp tác văn hóa thông qua các loại hình nghệ thuật và các viện bảo tồn văn hóa.

Thứ tư, tăng cường hợp tác về khí hậu, môi trường và năng lượng. Việt Nam và Australia tiếp tục hợp tác trong lĩnh vực thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng khả năng chống chịu của môi trường, nông nghiệp thích ứng với khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, khoa học biển cho phát triển bền vững, giảm ô nhiễm nhựa, an ninh lương thực và nguồn nước, đặc biệt là ở khu vực Mekong, bao gồm thông qua cơ chế Đối tác Mekong - Australia. Hai bên tiếp tục mở rộng hợp tác trong lĩnh vực năng lượng và tài nguyên; tiếp tục phát triển chuỗi cung ứng năng lượng tái tạo mới nổi, bền vững, đa dạng thông qua tích hợp giải pháp công nghệ giúp cả hai nước đạt được mục tiêu phát thải ròng bằng 0.

Thứ năm, hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Việt Nam và Australia sẽ tăng cường hợp tác xây dựng năng lực trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo hướng tới sự phát triển bền vững và bao trùm của hệ thống nghiên cứu và đổi mới sáng tạo quốc gia của Việt Nam. Hợp tác sâu sắc trong lĩnh vực chuyển đổi số và hội nhập kỹ thuật số; hai bên tái khẳng định cam kết chia sẻ kinh nghiệm hỗ trợ Việt Nam và Australia nhằm tăng cường chuyển đổi chính phủ số và đạt được các mục tiêu của chính phủ số.

Thứ sáu, củng cố hợp tác khu vực và quốc tế. Việt Nam và Australia nhất trí tiếp tục ủng hộ lẫn nhau và hợp tác chặt chẽ tại các diễn đàn khu vực và quốc tế, nhất là Liên hợp quốc, ASEAN và các cơ chế do ASEAN dẫn dắt; ủng hộ thượng tôn pháp luật quốc tế ở khu vực và giải quyết tranh chấp tại Biển Đông bằng các biện pháp hòa bình, phù hợp với luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp

quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS 1982). Hai bên cam kết tiếp tục hợp tác lâu dài để hỗ trợ sự hội nhập và phát triển bền vững của tiểu vùng.

Cũng trong khuôn khổ chuyến thăm, Thủ tướng Australia Anthony Albanese và Thủ tướng Phạm Minh Chính chứng kiến lễ ký kết và trao 11 văn kiện hợp tác giữa hai nước trong các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo; năng lượng và khoáng sản; nông, lâm, ngư nghiệp; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; lao động, việc làm; thương mại, đầu tư, tài chính, ngân hàng; quốc phòng và gìn giữ hòa bình; tư pháp.

II. THỨC ĐẨY QUAN HỆ VIỆT NAM - NEW ZEALAND

Nhận lời mời của Thủ tướng New Zealand Christopher Luxon, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Phạm Minh Chính thăm chính thức New Zealand từ ngày 09 - 11/3/2024.

Tại hội đàm, hai Thủ tướng tái khẳng định mối quan hệ hữu nghị và Đối tác Chiến lược sâu sắc, bền chặt giữa Việt Nam và New Zealand, được củng cố bằng giao lưu nhân dân mạnh mẽ và hợp tác chặt chẽ trong các lĩnh vực chính trị - ngoại giao, kinh tế - thương mại - đầu tư, giáo dục, lao động, khoa học và công nghệ.

Thủ tướng Christopher Luxon đánh giá quan hệ hai nước đã được tiếp thêm xung lực mới kể từ khi được nâng cấp lên Đối tác Chiến lược vào năm 2020; khẳng định Việt Nam là một trong những đối tác quan trọng của New Zealand ở khu vực Đông Nam Á, một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới và là đối tác thương mại lớn thứ 14 của New Zealand. Hai bên đã thảo luận các cơ hội để gia tăng nhanh chóng kim ngạch thương mại hai chiều, hướng tới mục tiêu 3 tỷ USD vào năm 2026 thông qua tăng cường hợp tác du lịch và giáo dục cũng như dỡ bỏ các hàng rào phi thuế quan, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, thực hiện đầy đủ các hiệp định thương mại tự do hiện có, đồng thời nghiên cứu các biện pháp để tạo thuận lợi cho đầu tư hai chiều.

Thủ tướng Christopher Luxon công bố khoản viện trợ mới trị giá 6,24 triệu đô la New Zealand cho lĩnh vực nông nghiệp của Việt Nam đối với "Dự án phát triển giống cây ăn quả chất lượng cao (VietFruit)" giai đoạn 3, một hợp tác của Viện Nghiên cứu cây trồng và thực phẩm New Zealand với Việt Nam nhằm thúc đẩy ngành công nghiệp cây chanh leo của Việt Nam.

Hai Thủ tướng hoan nghênh Kế hoạch hợp tác chiến lược về giáo dục Việt Nam - New Zealand giai đoạn 2023 - 2026, tạo điều kiện cho việc hợp tác liên kết giữa các cơ sở đào tạo cấp đại học giữa hai nước, hỗ trợ Việt Nam cải tiến các mô hình giáo dục thông qua các phương tiện kỹ thuật số, cũng như thiết lập mạng lưới cựu sinh viên. Hoan nghênh việc tăng cường hợp tác trong các lĩnh vực khác; đánh

giá cao việc hai bên ký các thỏa thuận hợp tác về kinh tế - thương mại và tài chính và tiến hành các cơ chế đối thoại an ninh và quốc phòng nhân dịp này. Nhất trí tiến hành Đối thoại Biển song phương lần đầu tiên trong năm 2024 về luật pháp quốc tế, quản trị và bảo tồn biển. Nhắc lại quyết tâm của hai nước về tuân thủ luật pháp quốc tế, bao gồm Hiến chương Liên hợp quốc và Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982; cam kết hợp tác với nhau và với các đối tác quốc tế khác để đóng góp cho hòa bình, ổn định và thịnh vượng của khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương và trên thế giới, trong đó có Biển Đông.

Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính bày tỏ hài lòng việc triển khai Chương trình Hành động Đối tác Chiến lược giai đoạn 2021 - 2024 đạt được nhiều kết quả tích cực trong các lĩnh vực kinh tế - thương mại, quốc phòng, an ninh, giáo dục, lao động...; đề nghị tăng cường trao đổi các chuyến thăm và tiếp xúc cấp cao, tích cực triển khai các cơ chế hợp tác song phương hiện có, tạo cơ sở cho việc nâng cấp quan hệ lên tầm cao mới trong thời gian tới.

Kết thúc hội đàm, hai Thủ tướng chứng kiến lễ ký kết các văn kiện hợp tác quan trọng.

III. HỘI NGHỊ CẤP CAO ĐẶC BIỆT KỶ NIỆM 50 NĂM QUAN HỆ ASEAN - AUSTRALIA

Từ ngày 05 - 06/3/2024, Hội nghị Cấp cao Đặc biệt kỷ niệm 50 năm quan hệ ASEAN - Australia tổ chức tại Thành phố Melbourne, Australia. Với chủ đề “Đối tác cho tương lai”, Hội nghị được tổ chức trong bối cảnh quan hệ hợp tác giữa ASEAN và Australia diễn ra năng động trên nhiều lĩnh vực. Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính và Phu nhân cùng đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam đã tham dự Hội nghị.

Hội nghị thông qua “Tuyên bố Tầm nhìn của Lãnh đạo ASEAN- Australia - Đối tác vì hòa bình và thịnh vượng” và “Tuyên bố Melbourne - Đối tác vì tương lai”, đề ra tầm nhìn về tương lai cũng như định hướng phát triển quan hệ trên tất cả các lĩnh vực thời gian tới. Lãnh đạo các nước ASEAN và Australia bày tỏ hài lòng với sự phát triển quan hệ và thành quả hợp tác, nhất là từ khi hai bên thiết lập Đối tác chiến lược năm 2014 và nâng cấp lên Đối tác chiến lược toàn diện năm 2021. Trao đổi về những định hướng phát triển quan hệ thời gian tới, hai bên nhất trí cần nỗ lực tạo chuyển biến mạnh mẽ trong hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư thông qua triển khai hiệu quả Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Australia - New Zealand (AANZFTA) mới được nâng cấp và Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP); đồng thời đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực mới như đổi mới sáng tạo,

kinh tế số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, thương mại điện tử, kết nối...

Hai bên nhất trí tăng cường hợp tác chính trị - an ninh, quốc phòng, hợp tác biển, an ninh mạng, nhất là trong khuôn khổ các cơ chế, diễn đàn do ASEAN khởi xướng và dẫn dắt như EAS, ARF và ADMM+, đóng góp định hình cấu trúc khu vực dựa trên pháp luật với ASEAN đóng vai trò trung tâm, triển khai hợp tác trên cơ sở Quan điểm của ASEAN về Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (AOIP).

Phát biểu tại phiên họp toàn thể, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đề xuất ba đột phá và ba tăng cường cho quan ASEAN - Australia thời gian tới, đó là: (i) đột phá trong hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư, phấn đấu tăng gấp đôi kim ngạch thương mại trong 10 năm tới; (ii) đột phá trong hợp tác phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao và hợp tác lao động, đề nghị ASEAN và Australia sớm lập cơ chế tham khảo để trao đổi các biện pháp cụ thể; (iii) đột phá trong hợp tác về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung phát triển kinh tế số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn và những ngành, lĩnh vực mới nổi như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; đề xuất nghiên cứu khả năng đàm phán Hiệp định kinh tế số ASEAN - Australia. Hai bên cần tăng cường tin cậy chính trị; tăng cường hợp tác tiểu vùng; tăng cường hợp tác văn hóa và giao lưu nhân dân.

Tại Phiên họp hẹp, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đề xuất 3 cùng giữa ASEAN và Australia để thúc đẩy tầm nhìn khu vực với 3 khía cạnh là: (i) Cùng xây dựng một khu vực đoàn kết và tự cường, có khả năng chống chịu trước những cú sốc, biến động từ cả bên trong và bên ngoài và tận dụng hiệu quả các xu thế mới để đẩy nhanh tăng trưởng toàn diện, bền vững, bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau; (ii) cùng thúc đẩy một khu vực tôn trọng luật pháp quốc tế và hành xử dựa trên luật lệ, trong đó các nước tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc, luật pháp quốc tế, tôn trọng các quy tắc, chuẩn mực ứng xử của ASEAN và thúc đẩy xây dựng các quy tắc và chuẩn mực ứng xử mới, trong đó có COC thực sự thực chất, hiệu quả, góp phần đưa Biển Đông trở thành vùng biển của hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển; và (iii) cùng xây dựng, định hình cấu trúc khu vực mở, bao trùm, đề cao chủ nghĩa đa phương với ASEAN đóng vai trò trung tâm, là nhân tố nòng cốt giúp quy tụ và hài hòa lợi ích giữa các nước lớn.

IV. THÔNG ĐIỆP LIÊN BANG NĂM 2024 CỦA TỔNG THỐNG NGA PUTIN

Ngày 29/02/2024, Tổng thống Liên bang Nga Vladimir Putin đã trình bày Thông điệp liên bang trước Quốc hội. Đây là bức thông điệp thứ 19 của Tổng thống Putin và là thông điệp đầu tiên sau khi nước này tiến hành chiến dịch quân sự đặc

biệt tại Ukraine ngày 24/02/2022.

Thông điệp liên bang đã đề cập đến nhiều vấn đề đối nội và đối ngoại quan trọng, khẳng định nhu cầu độc lập, tự do phát triển của nước Nga và bày tỏ quan điểm của Nga đối với các chính sách của phương Tây.

Tổng thống Nga Putin đã chỉ trích các nước phương Tây đẩy Nga vào cuộc chạy đua vũ trang, đồng thời cho biết Nga sẽ tăng cường sức mạnh quân sự ở biên giới phía Tây trong bối cảnh Phần Lan và Thụy Điển gia nhập Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO). Tổng thống Putin tuyên bố Nga sẵn sàng đối thoại với Mỹ về vấn đề ổn định chiến lược, tuy nhiên khẳng định Nga không chấp nhận bị cưỡng ép để đàm phán. Tổng thống Nga Putin cảnh báo các nước phương Tây về những hậu quả nếu NATO đưa quân vào Ukraine. Ông khẳng định Nga có các vũ khí có thể tấn công vào lãnh thổ của các nước này.

Tổng thống Vladimir Putin nhấn mạnh, Nga không gây chiến với người dân Ukraine. Ông cho rằng người dân Ukraine là “con tin” trong cuộc xung đột vì Ukraine đang bị sử dụng làm công cụ và bệ phóng cho cuộc xung đột chống Nga. Nga đã làm mọi thứ có thể để giải quyết vấn đề Donbass bằng các biện pháp hòa bình. Tuy nhiên, một năm trước, Nga đã buộc phải can thiệp để bảo vệ những người dân sống trên vùng đất lịch sử của Nga. Tổng thống Putin chỉ ra rằng Nga đã dành nhiều năm để tìm kiếm cuộc đối thoại mang tính xây dựng với phương Tây. Tuy nhiên, mọi nỗ lực nhằm đề xuất một hệ thống an ninh chung dựa trên sự bình đẳng đều vấp phải phản ứng.

Về kinh tế, Tổng thống Putin tuyên bố phương Tây đã tăng cường các biện pháp trừng phạt Nga sâu rộng sau chiến dịch tại Ukraine, nhưng không thể làm tê liệt nền kinh tế Nga. Trên thực tế, các biện pháp trừng phạt đã tạo ra hiệu ứng ngược, dội lại bên trừng phạt và gây ra cuộc khủng hoảng năng lượng. Tổng thống Nga nhấn mạnh nền kinh tế Nga có khả năng phục hồi tốt hơn so với dự đoán của phương Tây, cho dù phương Tây đã cố gắng hủy bỏ quan hệ kinh tế với các công ty Nga, ngắt kết nối hệ thống tài chính nhằm phá hủy nền kinh tế Nga, tước quyền tiếp cận thị trường xuất khẩu của Nga để làm giảm ngân sách.

Đáng chú ý, trong Thông điệp liên bang, Tổng thống Putin thông báo, Nga sẽ đình chỉ tham gia Hiệp ước cắt giảm vũ khí chiến lược. Đồng thời, khẳng định rằng Nga không rút khỏi hiệp ước, mà là đình chỉ tham gia.

V. THÔNG ĐIỆP LIÊN BANG NĂM 2024 CỦA TỔNG THỐNG MỸ JOE BIDEN

Tổng thống Mỹ Joe Biden đã đọc Thông điệp Liên bang cuối cùng trong

nhiệm kỳ hiện tại của ông vào sáng ngày 08/3/2024. Bài phát biểu đề cập đến hiện trạng đất nước và các ưu tiên đối nội, đối ngoại trong thời gian tới của Mỹ.

Trong Thông điệp Liên bang năm 2024, Tổng thống Mỹ Joe Biden đề cập đến nhiều thành tựu đối nội, những cam kết của ông nếu chiến thắng trong cuộc bầu cử tổng thống vào cuối năm nay. Thông điệp Liên bang lần này được giới quan sát nhận định chính là cơ hội để ông Biden cải thiện vị thế, đưa ra chương trình nghị sự cho thời gian còn lại trong nhiệm kỳ và xóa bỏ những lo ngại về tuổi tác, khẳng định với cử tri rằng ông sẵn sàng lãnh đạo Mỹ thêm 4 năm.

Tổng thống Biden đã dành thời lượng khá lớn trong bài phát biểu của mình để nói về tình hình kinh tế, vấn đề quan tâm hàng đầu của cử tri Mỹ. Ông cho rằng nền kinh tế Mỹ hiện đang là “nỗi ghen tị của thế giới”. Mỹ đã ghi nhận kỷ lục 15 triệu việc làm mới trong 3 năm, tỉ lệ thất nghiệp ở mức thấp nhất trong 50 năm, 16 triệu người dân Mỹ bắt đầu các doanh nghiệp nhỏ, hầu hết người dân có bảo hiểm y tế, và khoảng cách giàu nghèo thấp nhất trong 20 năm trong khi lạm phát đã giảm từ 9% xuống 3%, mức thấp nhất trên thế giới. Các chính sách của chính quyền Biden thu hút 650 tỷ USD từ khu vực tư nhân trong lĩnh vực năng lượng sạch và sản xuất tiên tiến. Tổng thống Biden nhấn mạnh mục đích của ông là cắt giảm thâm hụt liên bang 3 nghìn tỷ USD bằng cách đánh thuế các tập đoàn lớn và giới siêu giàu.

Đề cập tới vấn đề an ninh biên giới, Tổng thống Biden cho biết tháng 11/2023, đội ngũ của ông đã bắt đầu đàm phán với một nhóm các Thượng nghị sỹ lưỡng đảng và kết quả là một dự luật lưỡng đảng với các biện pháp cải cách an ninh biên giới cứng rắn nhất từ trước tới nay. Dự luật này sẽ thuê thêm 1.500 nhân viên an ninh biên giới, thêm 100 thẩm phán nhằm giải quyết hàng triệu trường hợp di cư xin vào Mỹ. Dự luật này sẽ cho phép Tổng thống có thẩm quyền khẩn cấp đóng cửa biên giới tạm thời khi số người di cư ở biên giới quá tải. Tổng thống Biden cho biết Kế hoạch giải cứu nước Mỹ của ông đã giúp giảm tỷ lệ tội phạm giết người và tỷ lệ tội phạm xuống một trong những mức thấp nhất trong vòng 50 năm. Tổng thống Biden cam kết sẽ làm hơn nữa để bảo vệ sự an toàn của người dân bằng cách đầu tư thêm cho lực lượng cảnh sát, giảm bạo lực gia đình và bạo lực súng đạn.

Về đối ngoại, Tổng thống Biden cho biết Mỹ đang xử lý các cuộc khủng hoảng ở nước ngoài, trong đó có Trung Đông. Tổng thống Biden cam kết sẽ đưa những con tin người Mỹ bị Hamas giam giữ về nước, đồng thời kêu gọi Hamas thả con tin, hạ vũ khí và giao nộp những kẻ có trách nhiệm trong vụ tấn công Israel hôm 07/10/2023. Theo Tổng thống Biden, đảm bảo ổn định ở Trung Đông cũng đồng nghĩa với việc kiềm chế mối đe dọa từ Iran, do đó, Mỹ đã xây dựng một liên minh

hơn 10 quốc gia nhằm bảo vệ tự do hàng hải và các tuyến đường biển quốc tế ở Biển Đỏ. Đối với Trung Quốc, Tổng thống Biden khẳng định, Mỹ đang chống lại các hoạt động kinh tế không công bằng của Trung Quốc và ủng hộ ổn định và hòa bình ở Eo biển Đài Loan. Mỹ muốn cạnh tranh nhưng không phải xung đột với Trung Quốc và Mỹ đang ở vị thế mạnh mẽ hơn để chiến thắng trong cuộc cạnh tranh ở thế kỷ XXI trước Trung Quốc hoặc bất kỳ quốc gia nào khác. Tổng thống Biden kêu gọi Quốc hội Mỹ sớm thông qua dự luật an ninh quốc gia lưỡng đảng bao gồm viện trợ cho Ukraine đồng thời khẳng định sẽ tiếp tục ủng hộ nước này.

VI. TÌNH TRẠNG BẤT ỔN AN NINH, XÃ HỘI TẠI HAITI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

Haiti, quốc gia được xem là nghèo nhất Mỹ Latinh, đã đối mặt với tình trạng bất ổn an ninh, xã hội kéo dài suốt 2 thập kỷ qua với sự chia rẽ chính trị sâu sắc, khủng hoảng nhân đạo, tình trạng thiếu lương thực, nghèo đói triền miên. Bạo lực trên đường phố, nhất là bạo lực băng nhóm Haiti ngày càng gia tăng và phức tạp do tình trạng nghèo đói và bất ổn chính trị. Liên hợp quốc ước tính, các băng đảng đang kiểm soát khoảng 80% thủ đô Port-au-Prince. Sự hiện diện khắp nơi của các nhóm vũ trang không những đẩy người dân Haiti phải sống trong cảnh bạo lực, cướp bóc, đường sá bị phong tỏa mà còn gây cản trở nghiêm trọng tới các nỗ lực nhân đạo như cung cấp, viện trợ lương thực và vật dụng thiết yếu cho các cộng đồng dân cư đang gặp khó khăn.

Kể từ tháng 10/2023, Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc đã phê chuẩn việc triển khai lực lượng vũ trang đa quốc gia do Kenya lãnh đạo nhằm giúp kiểm soát bạo lực băng nhóm tại Haiti. Tuy nhiên, Liên hợp quốc cho biết, từ đầu năm 2024 bạo lực băng nhóm tại quốc gia vùng Caribe này vẫn đang gia tăng ở mức độ chưa từng có.

Đêm 02/3/2024, rạng sáng ngày 03/3/2024 (giờ địa phương), các băng nhóm tội phạm ở Haiti đã tấn công Nhà tù quốc gia và thả 3.597 tù nhân. Trong bối cảnh đó, chính phủ Haiti ngày 03/3/2024 đã ban bố tình trạng khẩn cấp và lệnh giới nghiêm từ 18h ngày hôm trước đến 5h ngày hôm sau. Chính phủ Haiti khẳng định mục đích của các biện pháp nêu trên là lập lại trật tự và cho phép lực lượng chức năng thực hiện các biện pháp thích hợp để kiểm soát tình hình. Lệnh giới nghiêm không ảnh hưởng đến các thành viên của lực lượng công đang làm nhiệm vụ như lính cứu hỏa, tài xế xe cứu thương, nhân viên y tế và nhà báo.

Tính đến ngày 04/3/2024, các vụ xả súng của băng nhóm tội phạm vẫn tiếp diễn tại thủ đô Port-au-Prince của Haiti, đặc biệt là xung quanh sân bay.

Trước tình trạng bạo lực leo thang, Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres ngày 04/3/2024 đã bày tỏ quan ngại sâu sắc trước tình hình an ninh đang xấu đi nhanh chóng tại Haiti. Tổng Thư ký Guterres tái khẳng định sự cần thiết phải khẩn trương hành động, nhất là việc cung cấp hỗ trợ tài chính cho một sứ mệnh an ninh đa quốc gia do Liên hợp quốc bảo trợ tại nước này. Trước đó, tại Hội nghị thượng đỉnh Cộng đồng các quốc gia Mỹ Latinh và Caribe (CELAC) diễn ra vào cuối tháng 2/2024, Tổng Thư ký Guterres đã hối thúc tìm kiếm một giải pháp chính trị cho cuộc khủng hoảng tại Haiti, đồng thời kêu gọi Chính phủ Haiti sớm thực hiện cam kết tổ chức bầu cử trước ngày 31/8/2025. Ngày 07/3/2024, ông Stephane Dujarric, người phát ngôn của Tổng Thư ký Liên hợp quốc Antonio Guterres cho biết đại diện của Liên hợp quốc tại Haiti đang khuyến khích việc triển khai ngay lập tức một lực lượng cảnh sát quốc tế tới Haiti trong bối cảnh tình trạng bạo lực băng nhóm đã tăng cao đến mức chưa từng có.

Nhiều tổ chức và quốc gia khác cũng bày tỏ “quan ngại sâu sắc” về tình hình an ninh ở Haiti và kêu gọi thúc đẩy các nỗ lực hợp tác tại Liên hợp quốc để khôi phục an ninh tại quốc gia này. Một số quốc gia đã đóng cửa tạm thời Đại sứ quán tại Haiti, hủy mọi cuộc làm việc và ra các khuyến nghị tương tự đối với công dân của mình.

VII. MỘT SỐ SỰ KIỆN THẾ GIỚI ĐÁNG CHÚ Ý

- *Thụy Điển đã chính thức trở thành thành viên thứ 32 của Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO)* vào ngày 07/3/2024, sau khi Thủ tướng nước này Ulf Kristersson chuyển các tài liệu gia nhập cho Chính phủ Mỹ tại một buổi lễ ở Washington, D.C. Trong động thái phản ứng đầu tiên, Thủ tướng Kristersson đã ca ngợi một kỷ nguyên mới mang tính lịch sử trong chính sách an ninh của Thụy Điển. Tổng Thư ký NATO Jens Stoltenberg ca ngợi việc Thụy Điển trở thành thành viên của liên minh, khẳng định quốc gia Bắc Âu này giờ đây đã có được sự đảm bảo an ninh tối thượng.

- Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị đã đưa ra tuyên bố *Trung Quốc và Nga đã xây dựng hình mẫu mới cho quan hệ giữa các nước lớn*, khác hoàn toàn cách tiếp cận lỗi thời thời Chiến tranh lạnh, tại cuộc họp báo ngày 07/3/2024 bên lề Kỳ họp thứ hai Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc (Nhân Đại - tức Quốc hội Trung Quốc) khóa XIV. Bộ trưởng Vương Nghị nhấn mạnh trên cơ sở không liên minh, không đối đầu và không nhằm vào nước thứ ba, Trung Quốc và Nga nỗ lực duy trì mỗi quan hệ láng giềng tốt và tình hữu nghị lâu dài, cũng như nỗ lực tăng cường hợp tác chiến lược toàn diện giữa hai nước. Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc khẳng định việc duy trì và phát triển quan hệ Trung Quốc - Nga là lựa

chọn chiến lược của hai nước dựa trên những lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước và cũng là điều hai nước cần phải thực hiện để bắt kịp với xu hướng của thế giới. Bên cạnh đó, quan hệ Trung Quốc - Nga phù hợp với xu hướng thế giới ngày càng đa cực trong quan hệ quốc tế, đồng thời đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì ổn định chiến lược toàn cầu, thúc đẩy tương tác tích cực giữa các nước lớn và tăng cường hợp tác giữa các nước lớn mới nổi.

Tại cuộc họp báo bên lề kỳ họp lưỡng hội thường niên tại thủ đô Bắc Kinh, bao gồm Kỳ họp thứ hai Hội nghị Chính trị hiệp thương Nhân dân (CPPCC - Chính Hiệp) và Kỳ họp thứ hai Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc khóa XIV, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Vương Nghị đã nhấn mạnh đến sự phát triển và an ninh trong quản trị AI toàn cầu. Trung Quốc chú trọng đến việc đảm bảo sự phát triển của AI mang lại lợi ích cho nhân loại, đồng thời khẳng định con người cần phải kiểm soát AI và mọi quốc gia đều có thể tham gia và hưởng lợi từ sự phát triển của công nghệ này một cách bình đẳng. Thời gian tới, Trung Quốc sẽ đệ trình lên Đại hội đồng Liên hợp quốc một dự thảo nghị quyết liên quan đến tăng cường hợp tác quốc tế về xây dựng năng lực AI nhằm khuyến khích chia sẻ công nghệ và thu hẹp khoảng cách về AI giữa các nước.

VĂN BẢN MỚI

Nghị định 12/2024/NĐ-CP, ngày 05/02/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 44/2014/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 quy định về giá đất và Nghị định 10/2023/NĐ-CP, ngày 03/4/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

Nghị định 12/2024/NĐ-CP sửa đổi Điều 4, Điều 5 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP về phương pháp định giá đất và điều kiện áp dụng từng phương pháp đó. Phương pháp so sánh được thực hiện bằng cách điều chỉnh mức giá của các thửa đất có cùng mục đích sử dụng đất, tương đồng nhất định về các yếu tố có ảnh hưởng đến giá đất đã chuyển nhượng trên thị trường, đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất mà người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá thông qua việc phân tích, so sánh các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất sau khi đã loại trừ giá trị tài sản gắn liền với đất (nếu có) để xác định giá của thửa đất cần định giá.

Phương pháp so sánh được áp dụng để định giá đối với trường hợp có tối thiểu 03 thửa đất có cùng mục đích sử dụng đất, tương đồng nhất định về các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất đã chuyển nhượng trên thị trường, trúng đấu giá quyền sử

dụng đất mà người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá. Phương pháp thu nhập được thực hiện bằng cách lấy thu nhập ròng bình quân năm trên một diện tích đất chia cho lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân của loại tiền gửi bằng tiền Việt Nam kỳ hạn 12 tháng tại các ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trên địa bàn cấp tỉnh của 03 năm liền kề tính đến hết quý gần nhất có số liệu trước thời điểm định giá. Phương pháp thu nhập được áp dụng để định giá đối với trường hợp thửa đất, khu đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở mà thửa đất, khu đất cần định giá không đủ điều kiện áp dụng phương pháp so sánh nhưng xác định được các khoản thu nhập, chi phí từ việc sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất hợp pháp tại thời điểm định giá.

Phương pháp thặng dư được thực hiện bằng cách lấy tổng doanh thu phát triển ước tính trừ đi tổng chi phí phát triển ước tính của thửa đất, khu đất trên cơ sở sử dụng đất có hiệu quả cao nhất (hệ số sử dụng đất, mật độ xây dựng, số tầng cao tối đa của công trình) theo quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Phương pháp thặng dư được áp dụng để định giá đối với trường hợp thửa đất, khu đất để thực hiện dự án đầu tư không đủ điều kiện áp dụng phương pháp so sánh, phương pháp thu nhập nhưng ước tính được tổng doanh thu phát triển và tổng chi phí phát triển của dự án.

Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được thực hiện bằng cách lấy giá đất trong bảng giá đất nhân với hệ số điều chỉnh giá đất. Hệ số điều chỉnh giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành thông qua việc so sánh giá đất trong bảng giá đất với giá đất phổ biến trên thị trường. Phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất được áp dụng để xác định giá đất đối với thửa đất, khu đất đã được quy định trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành và thuộc một trong các trường hợp sau: Các trường hợp quy định tại điểm a khoản 4 Điều 114 và khoản 3 Điều 189 Luật Đất đai; Tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng.

Xác định giá đất của thửa đất, khu đất cần định giá mà tổng giá trị tính theo giá đất trong bảng giá đất đối với diện tích phải nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất dưới 30 tỷ đồng đối với các thành phố trực thuộc trung ương, dưới 10 tỷ đồng đối

với các tỉnh miền núi, vùng cao, dưới 20 tỷ đồng đối với các tỉnh còn lại trong các trường hợp sau: Các trường hợp quy định tại điểm b và điểm d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 Luật Đất đai; tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê khi Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất. đ) Tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các trường hợp thu hồi nhiều thửa đất liền kề nhau, có cùng mục đích sử dụng mà không đủ điều kiện để áp dụng phương pháp so sánh. Các thửa đất so sánh để áp dụng phương pháp định giá đất phải đủ điều kiện thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

Nghị định 12/2024/NĐ-CP cũng bổ sung Điều 5b về thông tin để áp dụng phương pháp định giá đất. Các thông tin về giá đất, giá thuê đất, giá thuê mặt bằng để áp dụng phương pháp so sánh, phương pháp thặng dư và xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất bao gồm: Giá trúng đấu giá quyền sử dụng đất đối với trường hợp người trúng đấu giá đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quyết định trúng đấu giá, Giá đất đã thực hiện thủ tục về thuế tại cơ quan thuế hoặc đăng ký tại văn phòng đăng ký đất đai đối với các trường hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất; giá thuê đất, giá thuê mặt bằng; giá đất chuyển nhượng trên thị trường. Các thông tin để áp dụng phương pháp định giá đất là thông tin trong khoảng thời gian không quá 24 tháng tính từ thời điểm định giá đất trở về trước.

